

Bố Trạch, ngày 08 tháng 4 năm 2020

Số: 01/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ các Điều 212, 213, 396 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 01/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Lê Thị Thúy M, sinh năm 1997; Nơi cư trú: thôn A, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình và anh Phan Công L, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Tiểu khu 12, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tình cảm: Chị Lê Thị Thúy M và anh Phan Công L thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Lê Thị Thúy M và anh Phan Công L thống nhất thỏa thuận: chị M và anh L có 01 con chung là Phan Công Tuấn V, sinh ngày 03/4/2017. Sau khi ly hôn, giao con chung là Phan Công Tuấn V cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; anh L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị M mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 4/2020 cho đến khi con chung của anh chị tròn 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thúy M và anh Phan Công L thống nhất trình bày vợ chồng không có tài sản chung cũng như nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị Lê Thị Thúy M và anh Phan Công L thỏa thuận: chị M nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự và nộp thay anh L 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền

lệ phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, để sung vào công quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch (theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003425 ngày 04/3/2020). Chị M đã nộp đủ tiền lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thúy M và anh Phan Công L.

- Về con chung: Chị Lê Thị Thúy M và anh Phan Công L thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Phan Công Tuấn V, sinh ngày 03/4/2017. Hai bên thỏa thuận giao con chung Phan Công Tuấn V cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 4/2020 cho đến khi con chung là Phan Công Tuấn V tròn 18 tuổi. Sau khi ly hôn, anh L có quyền qua lại thăm con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thúy M và anh Phan Công L thống nhất trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không phải xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị Thúy M và anh Phan Công L thỏa thuận: chị M nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự và nộp thay anh L 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lệ phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung vào công quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch (theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003425 ngày 04/3/2020). Chị M đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bồ Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bồ Trạch;
- UBND thị trấn H;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ việc dân sự.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].